

ĐỔI MỚI TƯ DUY PHÁP LÝ VÀ NHỮNG HIỆU ỨNG CƠ BẢN CỦA ĐỔI MỚI TƯ DUY PHÁP LÝ TRONG QUÁ TRÌNH HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

GS.TS. LÊ MINH TÂM *

Sau 20 năm đổi mới, đất nước Việt Nam đã có sự thay đổi cơ bản, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Điều đó chứng tỏ đường lối đổi mới là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Từ thực tiễn sinh động đó, công cuộc *Đổi mới* của Việt Nam đã trở thành một giá trị sáng tạo văn hoá mang đậm chất Việt Nam. Hai chữ *Đổi mới* đã trở thành một thuật ngữ được quốc tế hoá, hàm chứa trong nó những nội dung hết sức phong phú: Đổi mới là đường lối chiến lược, là chính sách phát triển, là sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam trong giai đoạn mới, là phong trào mạnh mẽ và rộng rãi có sức mạnh lôi cuốn, động viên và tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh...

Có nhiều yếu tố góp phần tạo ra tầm vóc và giá trị của công cuộc đổi mới, trong đó đổi mới tư duy và đổi mới tư duy pháp lý có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi vì, muốn đổi mới thắng lợi thì phải có hệ thống lý luận đúng đắn, đầy đủ và sắc bén. Tư duy là sản phẩm cao nhất của bộ óc con người, là quá trình phản ánh tích cực hiện thực khách quan dưới dạng các khái niệm, phán đoán, lý luận. Dựa trên sự so sánh các tài liệu thu được từ nhận

thức cảm tính hoặc các ý nghĩ với nhau, trải qua quá trình khái quát hoá, trừu tượng hoá, phân tích, tổng hợp để rút ra các khái niệm, phán đoán, giả thuyết, lý luận, kết quả của tư duy luôn là sự phản ánh khái quát các thuộc tính, các mối liên hệ cơ bản, phổ biến, các quy luật không chỉ ở một sự vật riêng lẻ mà còn ở nhóm sự vật nhất định⁽¹⁾... Tư duy xuất hiện do kết quả hoạt động thực tiễn nhưng sau khi xuất hiện, sự phát triển của tư duy còn chịu ảnh hưởng của toàn bộ tri thức nhân loại đã tích lũy được trước đó, cũng như các lý thuyết, quan điểm cùng thời với nó. Vì thế, tư duy có tính độc lập, sáng tạo trong quá trình tìm kiếm tri thức mới, xây dựng cơ sở lý luận cho việc hoạch định chính sách, quan điểm và định hướng cho các hoạt động thực tiễn. Chỉ có dựa trên cơ sở của tư duy toàn diện, đúng đắn, sáng tạo mới có được những khái niệm, quan điểm, lý luận đầy đủ, đúng đắn và sáng tạo.

Tư duy thể hiện trên ba phương diện cơ bản là nhận thức, tư tưởng và phương pháp tư duy. Trước thời kỳ đổi mới, về mặt nhận thức, đã có nhiều nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ, thậm chí lạc hậu, lỗi thời; về tư tưởng, đã có những biểu hiện chủ quan, duy ý chí hoặc bảo thủ, trì trệ, vừa tả khuynh vừa hữu khuynh; về phương pháp tư duy, lối suy nghĩ và hành động còn giản đơn một chiều, xơ cứng⁽²⁾... Trong bối

* Trường Đại học Luật Hà Nội

cảnh đó, tư duy pháp lý cũng có tình trạng tương tự. Về nhận thức, nhiều vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật còn được nhận thức phiến diện, một chiều với quan điểm lạc hậu, thậm chí giáo điều, máy móc. Ví dụ, về bản chất, vai trò, chức năng và các nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước, đã chú trọng nhiều đến tính chính trị, tính giai cấp, chức năng trấn áp, vai trò quản lý của nhà nước theo phương pháp mệnh lệnh hành chính, chưa có sự nhận thức toàn diện, đầy đủ và đúng đắn về bản chất xã hội và chức năng xã hội, về các phương pháp dân chủ trong việc thực hiện chức năng quản lý, điều hành của nhà nước, không phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh...; Về pháp luật, cũng còn nhiều nhận thức chưa đúng và chưa đầy đủ về bản chất, vai trò, chức năng và những giá trị xã hội của pháp luật, chưa có sự phân tích toàn diện, sâu sắc và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa pháp luật với nhà nước, dân chủ, kinh tế, văn hoá, xã hội; giữa nhà nước với pháp quyền và xã hội công dân... Về tư tưởng, đã tồn tại trong một thời gian dài những quan điểm lạc hậu, chủ quan, duy ý chí, bảo thủ về pháp luật, coi pháp luật là do nhà nước sinh ra, áp đặt ý chí nhà nước một cách cứng nhắc, chưa chú trọng phân tích và thể hiện đầy đủ tính khách quan và những nguyên tắc dân chủ trong xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật... Về phương pháp tư duy pháp lý, cách suy nghĩ giản đơn một chiều, xơ cứng về pháp luật xã hội chủ nghĩa, đối lập pháp luật xã hội chủ nghĩa với pháp luật tư sản, xây dựng mô hình pháp luật theo hướng lý tưởng hoá, hành chính hoá làm cho pháp luật trở nên đơn điệu, xa rời thực tiễn và thiếu tính khả thi. Với cách tư duy này, việc nghiên cứu

để tiếp thu và vận dụng những yếu tố hợp lý trong các quan điểm, học thuyết pháp lý tư sản cũng như những kinh nghiệm trong xây dựng và thực thi pháp luật của các nước phát triển rất hạn chế, tình trạng thiếu thông tin pháp lý hoặc không chấp nhận một số nguyên tắc, giá trị của pháp quyền đã diễn ra trong một thời gian khá dài. Kiểu tư duy như vậy đã có tác động, ảnh hưởng và mang lại những hiệu ứng tiêu cực đối với quá trình phát triển của Nhà nước và pháp luật Việt Nam. Thực tế lịch sử xây dựng nhà nước và pháp luật Việt Nam trong những năm 70, 80 của thế kỉ trước đã cho thấy rõ điều này.

Từ cuối năm 1986, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ở Việt Nam chính thức được khởi động và cũng từ đó, trào lưu đổi mới tư duy pháp lý có sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng mang lại những hiệu ứng tích cực, góp phần to lớn vào việc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới nói chung và công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng.

Nhìn một cách tổng quát, đổi mới tư duy pháp lý đã đạt được những thành tựu cơ bản trên cả ba phương diện. Thứ nhất, đổi mới tư duy pháp lý đã làm thay đổi căn bản trong nhận thức về nhiều vấn đề của nhà nước và pháp luật. Trên cơ sở nắm vững và phát triển sáng tạo các tư tưởng, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, đường lối của Đảng CSVN về Nhà nước và pháp luật; kế thừa và phát triển những kết quả nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm xây dựng và phát triển Nhà nước và pháp luật của Việt Nam đồng thời nghiên cứu, tham khảo và tiếp thu có chọn lọc những kiến thức và kinh nghiệm của các nước ngoài, nhiều vấn đề lý

luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật đã được nhận thức một cách toàn diện, đầy đủ và đúng đắn hơn. Thứ hai, đổi mới tư duy pháp lí đã tác động và làm thay đổi những tư tưởng, quan niệm lạc hậu, lỗi thời, chủ quan duy ý chí trong tiếp cận và xử lí các vấn đề về nhà nước và pháp luật. Thứ ba, đổi mới tư duy pháp lí đã góp phần hình thành và phát triển những phương pháp mới, lối suy nghĩ và hành động mới, nhìn nhận các vấn đề về nhà nước và pháp luật trong sự vận động và phát triển, trong những mối liên hệ phổ biến và trong những điều kiện lịch sử cụ thể...

Nhìn một cách cụ thể hơn, những kết quả của quá trình đổi mới tư duy pháp lí và những hiệu ứng chủ yếu của nó thể hiện ở những mặt chủ yếu sau đây:

1. Những nhận thức mới về nhà nước và hiệu ứng³ cơ bản

- Về bản chất của nhà nước: Trước đổi mới, những phân tích lí luận đã hướng trọng tâm chủ yếu vào làm rõ và nhấn mạnh bản chất chính trị và tính giai cấp của nhà nước,⁽⁴⁾ chưa phân tích một cách toàn diện và đầy đủ bản chất xã hội và những yêu cầu khách quan từ phía xã hội đối với nhà nước, với vị trí và vai trò là người đại diện chính thức của toàn xã hội. Đến nay, bản chất của Nhà nước ta đã được xác định rõ: “*Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức*”.⁽⁵⁾ Nhà nước là tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị do nhân dân lập ra và có trách nhiệm phải phục vụ nhân dân, phục vụ xã hội; “*Các cơ quan*

nhà nước, cán bộ viên chức nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng lãng phí và biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền”.⁽⁴⁾

- Về hệ thống chính trị và vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị: Khái niệm hệ thống chính trị đã được thay cho khái niệm chuyên chính vô sản. Cương lĩnh chính trị năm 1991 đã khẳng định: “*Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân*”. Hệ thống chính trị được vận hành theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lí, nhân dân làm chủ”. Trong hệ thống chính trị, Nhà nước có vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt, là trụ cột của hệ thống chính trị. Nhà nước bảo đảm quyền công dân, quyền con người, nâng cao trách nhiệm pháp lí giữa Nhà nước và công dân; thực hành dân chủ đồng thời tăng cường kỉ luật, kỉ cương. Trong tư duy pháp lí mới, đã có sự nhận nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về dân chủ hoá đời sống xã hội và về việc giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước pháp quyền với dân chủ xã hội chủ nghĩa...

- Về quyền lực nhà nước và cách thức tổ chức quyền lực nhà nước: Trên cơ sở nhận thức mới về bản chất và vai trò của Nhà nước, kế thừa và phát huy những kết quả đạt được về phương diện lí luận và thực tiễn tổ chức quyền lực Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài, tư duy pháp lí mới đã góp phần hình thành quan điểm lí luận quan trọng về tính chất, nội

dung và cách thức tổ chức quyền lực nhà nước đó là: *“Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”*.⁽⁶⁾

- Về chức năng của nhà nước: Trong đổi mới tư duy pháp lí về chức năng của nhà nước, vấn đề chức năng kinh tế và chức năng xã hội của Nhà nước đã được nhận thức toàn diện và sâu sắc hơn cả về tính chất, nội dung và hình thức. Mô hình quản lí kinh tế tập trung, bao cấp đã chuyển sang mô hình quản lí kinh tế thị trường, phân định rõ chức quản lí nhà nước về kinh tế với chức năng sản xuất kinh doanh. Nhà nước giữ vai quản lí, điều tiết nền kinh tế thông qua pháp luật, kế hoạch, chính sách, các công cụ kinh tế và năng lực vật chất cần thiết mà Nhà nước nắm; có sự phân cấp ngày càng nhiều hơn để phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương, cơ sở; xoá bỏ mọi hình thức bao cấp; xoá bỏ độ quyền kinh doanh, khuyến khích tự do kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh. Từ nhận thức mới về chức năng xã hội của Nhà nước, tư duy pháp lí mới đã góp phần giải quyết mối quan hệ chính sách kinh tế với chính sách xã hội và đề cao vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với bình đẳng và công bằng xã hội, coi trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội và thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế. Theo đó, chức năng xã hội của Nhà nước ngày càng được đề cao, các chính sách xã hội ngày càng được xây dựng đầy đủ và hoàn thiện hơn.

- Về xây dựng nhà nước pháp quyền và

đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước: Một trong những thành tựu quan trọng của đổi mới tư duy pháp lí là đã xây dựng được cơ sở lí luận và thực tiễn cho việc hình thành quan điểm và luận cứ cho việc xây dựng mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ chỗ coi nhà nước pháp quyền chỉ có trong các nhà nước tư sản, tư duy pháp lí mới đã khẳng định nhà nước pháp quyền là một khái niệm có giá trị phổ biến, có nhà nước pháp quyền tư sản và có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nhà nước pháp quyền có những đặc điểm chung nhưng đồng thời cũng có những đặc điểm riêng tùy thuộc vào nhận thức và điều kiện cụ thể của mỗi nước. Mô hình Nhà nước pháp quyền Việt Nam được hình thành từng bước: Từ những kết quả nghiên cứu độc lập của các nhà khoa học, quản lí, đến sự tổng kết và ghi nhận chính thức trong văn kiện của Đảng và sự phát triển tiếp theo,⁽⁷⁾ đến nay mô hình tổng thể của nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân đã được xây dựng trên cơ sở khoa học và thực tiễn toàn diện và sâu sắc. Mô hình nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa vừa mang những đặc điểm phổ biến của nhà nước pháp quyền mới chung lại vừa mang những đặc điểm riêng, đặc phù hợp với điều kiện của Việt Nam.⁽⁸⁾

Thực tiễn những năm đổi mới đã cho thấy hiệu ứng tích cực và mạnh mẽ của tư duy mới về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với hàng loạt các hoạt động cụ thể và những thành tựu to lớn đã đạt được. Quốc hội đã có những bước đổi mới quan trọng trong đổi mới công tác bầu cử và thay đổi cơ cấu đại biểu Quốc hội, các chức năng lập

pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước đã được tăng cường, nhất là chức năng lập pháp.⁽⁹⁾ Bộ máy hành pháp đã được kiện toàn nhiều so với trước thời kì đổi mới: Đã hình thành các cơ quan quản lí đa ngành, đa lĩnh vực, giám sát đầu mối các cơ quan hành pháp,⁽¹⁰⁾ tách chức năng quản lí nhà nước với chức năng quản lí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phân biệt cơ quan hành chính công quyền với đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công cộng. Công cuộc cải cách hành chính đã được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực (thể chế hành chính, tổ chức bộ máy hành chính, phương thức hoạt động và tổ chức bộ máy). Hệ thống cơ quan tư pháp đã có nhiều cải cách, đổi mới. Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp đã được điều chỉnh và phân định rõ ràng hơn; hệ thống toà án đã có bước phát triển mới, các toà án chuyên trách (toà kinh tế, toà lao động, toà hành chính) đã được thành lập; hệ thống viện kiểm sát cũng đã điều chỉnh theo hướng tập trung vào thực hiện chức năng công tố và chức năng giám sát, giải quyết các vụ án hành chính, kinh tế, lao động và phá sản doanh nghiệp. Các tổ chức hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định tư pháp) đã được hình thành và ngày càng phát triển. Các nguyên tắc công khai dân chủ trong hoạt động tư pháp đã được đề cao hơn.

2. Những nhận thức mới về pháp luật và hiệu ứng cơ bản

- Về bản chất, vai trò và giá trị xã hội của pháp luật: Trước thời kì đổi mới, những phân tích lí luận về pháp luật đã hướng trọng tâm chủ yếu vào làm rõ và nhấn mạnh bản chất giai cấp và tính ý chí của pháp luật, chưa phân

tích một cách toàn diện và đầy đủ bản chất xã hội, chức năng xã hội và những giá trị xã hội của pháp luật. Theo đó, khái niệm pháp luật thường được hiểu theo nghĩa cụ thể và đồng nhất với khái niệm pháp luật thực định, gắn với bản chất giai cấp và tính quyền lực thể hiện ý chí của nhà nước được thể hiện trong hệ thống quy phạm pháp luật thực định. Đổi mới tư duy pháp lí đã mang lại những nhận thức mới toàn diện hơn và sâu sắc hơn. Trên cơ sở của phép biện chứng và phương pháp tiếp cận hệ thống, các vấn đề của pháp luật đã được đặt trong mối quan hệ phổ biến, trong sự vận động, phát triển phù hợp với yêu cầu, điều kiện lịch sử cụ thể ở trong nước và quốc tế. Tính khách quan, bản chất xã hội và vai trò xã hội của pháp luật đã được đề cao hơn, các giá trị xã hội của pháp luật đã được làm rõ hơn trên nhiều phương diện; việc tiếp cận và giải quyết các mối quan hệ cơ bản của pháp luật với chính trị, kinh tế, văn hoá, đạo đức, phong tục, tập quán, dân chủ, giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế... đã được chú trọng nhiều hơn và các phương pháp xã hội học, luật học so sánh... đã được sử dụng rộng rãi hơn. Những nhận thức mới trong đổi mới tư duy pháp lí về bản chất và giá trị xã hội của pháp luật đã tạo ra một hình ảnh mới của pháp luật, khơi dậy tâm lí, tình cảm và niềm tin của nhân dân với pháp luật và xác định trách nhiệm của Nhà nước đối với việc xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật có hiệu quả.

- Về hệ thống pháp luật: Trước thời kì đổi mới, hệ thống pháp luật Việt Nam kém phát triển và còn nhiều bất cập: Hệ thống pháp luật còn phiến diện, các văn bản luật (xương sống của hệ thống pháp) hết sức ít ỏi, chủ yếu tập trung

vào lĩnh vực luật hình sự và hành chính; hệ thống văn bản pháp luật về dân sự, kinh tế thiếu trầm trọng lại mang nặng tính chất áp đặt và mệnh lệnh hành chính. Tình trạng mâu thuẫn, trùng lặp, chồng chéo và không phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tiễn đã diễn ra một cách phổ biến và kéo dài, làm cho pháp luật kém hiệu lực và hiệu quả. Có những nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến tình trạng này, trong đó có sự ảnh hưởng rất lớn của chiến tranh nhưng một trong những nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của tư duy pháp lí cũ. Từ năm 1986, những nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng về những vấn đề của hệ thống pháp luật đã được triển khai và đã thu được những kết quả quan trọng: Khái niệm hệ thống pháp luật đã được nhận thức rõ hơn, đầy đủ và sâu sắc hơn, những tiêu chí để đánh giá, xác định mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật đã được xây dựng. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, nhiều cuộc hội thảo khoa học để đánh giá thực trạng pháp luật và đề xuất những quan điểm, giải pháp mới cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu của công cuộc đổi mới đã được tổ chức và đã nhanh chóng mang lại những kết quả to lớn. Trên cơ sở của tư duy pháp lí mới, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong thời kì đổi mới đã có những bước phát triển vượt bậc: Tính toàn diện, thống nhất, đồng bộ, phù hợp, công khai, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, nhất là từ sau khi có Hiến pháp năm 1992, hệ thống pháp luật nước ta đã có bước phát triển quan trọng,

từng bước hoàn thiện, tạo hành lang pháp lí cho việc phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, xác định chế độ và các hình thức sở hữu, địa vị pháp lí của các doanh nghiệp, thương gia, quyền tự do kinh doanh, tự do hợp đồng, khuyến khích và bảo đảm đầu tư, giảm dần sự can thiệp bằng các biện pháp hành chính của các cơ quan nhà nước vào các quan hệ dân sự, kinh tế thương mại, xoá bỏ chế độ nhà nước độc quyền ngoại thương; tạo cơ sở pháp lí cho việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, mở rộng dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, từng bước thực hiện công bằng xã hội, phát triển giáo dục, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường, xây dựng và phát triển văn hoá dân tộc và du lịch; tiến hành cải cách bộ máy nhà nước, từng bước phân định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhà nước, các cơ quan trong bộ máy nhà nước, chức năng của các tổ chức phi nhà nước và hoạt động của các doanh nghiệp để nhà nước tập trung thực hiện chức năng quản lí vĩ mô, phát huy quyền tự chủ của các tổ chức và doanh nghiệp và góp phần để Việt Nam mở rộng hợp tác quốc tế, chủ động thực hiện quá trình hội nhập quốc tế và khu vực.

- Về kĩ thuật lập pháp và quy trình xây dựng pháp luật: Tư duy pháp lí mới cũng đã mang lại nhiều hiệu ứng tích cực đối với việc phát triển kĩ thuật lập pháp và cải tiến quy trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Kĩ thuật lập pháp đã có nhiều cải tiến và mang lại kết quả rõ nét. Từ sau khi có Hiến pháp năm 1992, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trở thành một trong những mặt hoạt động quan trọng không chỉ của Quốc hội, Chính phủ mà còn của nhiều cơ quan, ban, ngành, tổ chức,

thu hút sự quan tâm của nhiều người, nhiều giới, kể cả những người nước ngoài. Đặc biệt, do nhận thức rõ tầm quan trọng của pháp luật trong việc thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách quan điểm của Đảng và để thực hiện quản lí nhà nước, Đảng ta đã tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật. Có thể nói, trong hầu hết các văn kiện quan trọng của Đảng đều có đề cập vấn đề đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện pháp luật đồng thời Đảng cũng tăng cường chỉ đạo cụ thể đối với công tác xây dựng pháp luật, nhất là đối với các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng.

Việc đề ra chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cũng đã có nhiều cải tiến nhằm phát huy dân chủ, phát hiện và đề xuất các vấn đề cần thiết cho việc xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung pháp luật. Quốc hội, Chính phủ, các ngành, các cấp đều chú trọng công tác lập chương trình, kế hoạch lập pháp, lập quy. Vấn đề phân tích chính sách, khảo sát và tổng kết thực tiễn để làm cơ sở cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cũng đã được chú trọng hơn. Hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được triển khai trên quy mô rộng và trở thành một trong những nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương; hoạt động pháp điển hóa pháp luật được chú trọng. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ pháp lí và tăng cường cán bộ cho các cơ quan xây dựng pháp luật cũng là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của kĩ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Đặc biệt, ngày 23/11/1996 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được thông

qua. Đây là lần đầu tiên Luật này được ban hành, góp phần tạo ra sự chuyển biến nhanh chóng về mặt nhận thức và tổ chức thực hiện việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có vấn đề phải nâng cao trình độ kĩ thuật pháp lí. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể những vấn đề quan trọng: Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các hình thức và nội dung của từng loại văn bản quy phạm pháp luật; trình tự soạn thảo, thảo luận, xem xét, thông qua văn bản quy phạm pháp luật; phương thức thẩm định, kiểm tra, giám sát, giải thích và xử lí đối với văn bản quy phạm pháp luật.

- Về xây dựng cơ chế bảo hiến: Bước tiến quan trọng trong của đổi mới tư duy pháp lí là đã phân tích và xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hình thành cơ chế bảo hiến ở Việt Nam. Thực tế đã cho thấy rõ là mặc dù bảo hiến được thừa nhận là quan trọng và có tính khách quan nhưng mỗi nước lại có cách tiếp cận và giải quyết vấn đề không hoàn toàn giống nhau. Điều này có thể do mấy lí do sau đây: Thứ nhất, do tính chất, nội dung và ý nghĩa đặc biệt của hiến pháp trong đời sống nhà nước, đời sống xã hội và đời sống cá nhân của con người, nên xét về mặt lí thuyết, bảo hiến luôn là nhu cầu khách quan và có những đặc tính chung. Nhưng bên cạnh những đặc trưng chung thì hiến pháp của mỗi nước lại có những khác biệt riêng. Đồng thời, cùng với sự phát triển của xã hội, phạm vi điều chỉnh của hiến pháp không cố định mà luôn có sự biến đổi tùy thuộc vào tình hình của mỗi nước và quốc tế. Thứ hai, về mặt lí thuyết, do có sự khiếm khuyết của các mô hình tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, xây dựng và thực thi pháp luật, nên bảo hiến được xem là sự phát

triển tiếp tục nhằm khắc phục các khiếm khuyết đó. Thứ ba, thực tiễn tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, xây dựng và thực thi pháp luật cho thấy tình trạng vi hiến diễn khá phổ biến trong các quốc gia và một cơ chế bảo hiến hoàn thiện, hoạt động có hiệu quả đang được coi là một trong những giải pháp quan trọng để giải quyết thực trạng đó. Nội hàm của bảo hiến cũng mở rộng theo phạm vi điều chỉnh của hiến pháp và khái niệm cơ chế bảo hiến cũng sẽ có nội hàm rất rộng, bao gồm toàn bộ các thiết chế, phương tiện, nguyên tắc, hình thức, phương pháp và biện pháp tổ chức và thực hiện các hoạt động: (i) Giải thích hiến pháp để bảo đảm cho các nguyên tắc, quy định của hiến pháp được nhận thức và thực hiện thống nhất; (ii) Kiểm tra và giám sát các quá trình, các hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm bảo đảm sự phối hợp và cân bằng quyền lực, làm cho quyền lập pháp phải phục tùng quyền lập hiến; quyền hành pháp và quyền tư pháp phải phục tùng quyền lập hiến và quyền lập pháp; hạn chế quyền lực của các cơ quan nhà nước và các cá nhân được trao quyền lực nhà nước, bảo đảm cho các chủ thể quyền lực hoạt động theo đúng giới hạn về thẩm quyền và trách nhiệm được hiến pháp và pháp luật quy định; (iii) Kiểm tra, giám sát tính hợp hiến và hợp pháp của các văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế, bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật theo nguyên tắc bảo đảm tính tối cao của hiến pháp; (iiii) Kiểm tra, giám sát việc tôn trọng và thực hiện các quy định của hiến pháp về quyền con người, quyền công dân, bảo đảm các giá trị nhân bản của hiến pháp, bảo đảm chủ quyền nhân dân và giải quyết đúng mối quan hệ giữa nhà nước và cá nhân; (iiiii) Phát

hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh về thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước và các cá nhân có thẩm quyền (chủ thể quyền lực); các xung đột pháp luật có biểu hiện vi hiến; các khiếu kiện của công dân đối với cơ quan nhà nước và các cá nhân có thẩm quyền về các quyết định, các hành vi có biểu hiện vi hiến. Với những nội dung đó, bảo hiến bao gồm nhiều quá trình, nhiều hoạt động thường xuyên và không thường xuyên, có thể diễn ra trước hoặc sau mỗi quá trình, hoạt động, vụ việc xác định, trong đó quá trình này, hoạt động này có thể được thực hiện trước quá trình kia, hoạt động kia và ngược lại.

Từ những nhận thức đó, trên cơ sở đánh giá thực trạng của cơ chế bảo hiến Việt Nam, những đề xuất mới về xây dựng cơ chế bảo hiến mới đã có tác động tích cực. Văn kiện Đại hội Đảng X đã chính thức ghi nhận một định hướng quan trọng: *“Xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động của các cơ quan công quyền... Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm hiến pháp trong các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp”*.⁽¹¹⁾

- Về giải quyết mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế: Thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới đã tạo cho Việt Nam một vị thế mới trên trường quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ với 167 nước, mở rộng quan hệ thương mại với trên 150 nước, tham gia vào nhiều tổ chức quốc tế lớn và đang chuẩn bị để gia nhập WTO. Tình hình đó đặt ra những yêu cầu và thách thức lớn, đòi hỏi phải có sự nhận thức toàn diện, sâu sắc và giải quyết đúng mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Đổi mới tư duy pháp pháp lí mới đã góp phần quan trọng

nhệm vụ này và đã mang lại những hiệu ứng hết sức tích cực. Nhiều hoạt động phong phú, sôi động đã diễn ra như rà soát, đối chiếu, đánh giá, phân tích về các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, so sánh với các cam kết quốc tế; xây dựng dự án chương trình, kế hoạch lập pháp, lập quy để bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện Việt Nam và quốc tế; đẩy mạnh công tác soạn thảo, thẩm định và ban hành hệ thống văn bản pháp luật để đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập; xây dựng các quan điểm và biện pháp nhằm thực hiện tốt pháp luật và các cam kết quốc tế...

Trong đổi mới tư duy pháp lý, những nhận thức mới về các vấn đề như hiệu quả pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật, văn hoá pháp luật, ý thức pháp luật... và đã có những hiệu ứng hết sức tích cực trong thực tiễn. Trong điều kiện hiện nay, nhu cầu về đổi mới tư duy pháp lý ngày càng gia tăng cả về quy mô và trình độ, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục có những hoạt động và biện pháp toàn diện hơn, sâu sắc hơn để củng cố và phát triển tư duy pháp lý đến một trình độ mới cao hơn, sâu hơn, thiết thực và hiệu quả hơn./

- (1). Xem: Từ điển Bách khoa Việt Nam, Tập 3, Nxb. Từ điển Bách khoa, H. tr. 701.
- (2). Xem: Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2005, tr. 21-27.
- (3). Thuật ngữ *Hiệu ứng* được sử dụng với nghĩa là khả năng tác động, ảnh hưởng và đưa lại những kết quả.
- (4). Điều 2 Hiến pháp năm 1980 ghi nhận: "*Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước chuyên chính vô sản*".
- (5), (4). Điều 2, Điều 8 Hiến pháp năm 1992.
- (6). Điều 2 Hiến pháp năm 1992.
- (7). Thuật ngữ Nhà nước pháp quyền Việt Nam được ghi nhận chính thức lần đầu tiên trong Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (Khóa VII). Đến Hội nghị lần thứ 8 (Khóa VII) - Hội

nghị chuyên đề bàn về nhà nước, đã đề ra 5 quan điểm cơ bản là về xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam: (1) Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân; (2) Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; (3) Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (4) Tăng cường pháp chế XHCN; xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, quản lý xét xử hội đồng pháp luật đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức XHCN; (5) Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

(8). Các đặc điểm đó là: (1) Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; (2) Quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất trên cơ sở phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; (3) Tôn trọng vị trí tối thượng của hiến pháp và luật trong đời sống xã hội; nhà nước tổ chức và hoạt động trên cơ sở hiến pháp, pháp luật; (4) Trách nhiệm qua lại giữa nhà nước và công dân là quan hệ chủ đạo trong xã hội: nhà nước phục vụ nhân dân, nhân dân có trách nhiệm đầy đủ với nhà nước; (5) Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; (6) Nhà nước pháp quyền gắn với xã hội công dân (xã hội dân sự); (7) Nhà nước thực hiện nghiêm chỉnh và có thiện chí các cam kết quốc tế. (8) Nhà nước do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

(9). Trong 20 năm đổi mới, Quốc hội đã ban hành hơn 160 luật, bộ luật và hoàn thiện các quy chế hoạt động của Quốc hội (tăng gấp hơn 3 lần so với thời kỳ trước đổi mới); Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành 150 pháp lệnh. (10). Bộ máy Chính phủ đã giảm từ 76 đầu mỗi xuống còn 39, trong đó có 17 bộ và cơ quan ngang bộ và 13 cơ quan thuộc Chính phủ; UBND cấp tỉnh từ 40 đầu mỗi xuống còn trên dưới 20 đầu mỗi và UBND cấp huyện từ 20 xuống còn trên dưới 10 đầu mỗi.

(11). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc ĐCSVN lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 45 và 127.